

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 55

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “HUD”) là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BXD ngày 02 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 595/QĐ-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ ngày 30 tháng 3 năm 2006.

Theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị do Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị làm nòng cốt cùng với sự tham gia của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tương đồng thuộc Bộ Xây dựng gồm: Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (“Tổng Công ty Viglacera”), Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam (“Tổng Công ty VIWASEEN”) và Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng. Theo Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 02 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1428/QĐ-TTg về việc kết thúc thí điểm hình thành Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam (HUD) theo Quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và Đô thị Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị trước đây.

Ngày 10 tháng 10 năm 2012, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký ban hành Quyết định số 896/QĐ-BXD thành lập Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị. Theo đó, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị sẽ hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các chi nhánh, văn phòng đại diện, Ban Quản lý dự án và các đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (mã số doanh nghiệp 0100106144) thay đổi lần thứ tám (08) ngày 04 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị là 3.981 tỷ đồng (*bằng chữ: Ba nghìn, chín trăm tám mươi một tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính: Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Đỗ Hoài Đông	Thành viên
Ông Phan Trường Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07/7/2023)
Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 06/7/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thủy	Kiểm soát viên
----------------	----------------

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Hoài Đông	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Trọng Tấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06/7/2023)
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/7/2023)
Ông Tạ Dũng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDDOWER số 37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Hoài Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Số: 234/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, được lập ngày 31/7/2023 từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023***Nguyễn Thị Tiến****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		7.164.719.813.548	6.714.572.843.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	154.407.683.646	58.195.247.710
1. Tiền	111		149.992.723.646	53.780.287.710
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.414.960.000	4.414.960.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		901.140.394.700	697.426.925.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	659.965.311.079	589.707.385.240
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	218.454.624.015	151.691.708.352
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	157.369.543.645	93.538.482.749
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(134.649.084.039)	(137.510.650.965)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	5.719.174.065.559	5.571.018.091.322
1. Hàng tồn kho	141		5.719.174.065.559	5.571.018.091.322
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		389.997.669.643	387.932.578.793
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	9.504.339.948	345.598.504
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.300.500	7.027.685.879
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	380.491.029.195	380.559.294.410
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+230+240+250+260)	200		3.329.769.834.327	3.326.967.105.253
II. Tài sản cố định	220		355.753.326.410	376.928.786.383
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	310.942.585.022	330.319.205.599
- Nguyên giá	222		398.723.774.823	423.187.814.804
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.781.189.801)	(92.868.609.205)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	44.810.741.388	46.609.580.784
- Nguyên giá	228		49.945.790.675	50.059.420.686
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.135.049.287)	(3.449.839.902)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	639.291.807.437	439.524.298.155
1. Nguyên giá	231		813.082.551.024	595.693.668.191
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(173.790.743.587)	(156.169.370.036)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.186.215.549.020	1.361.657.158.244
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.186.215.549.020	1.361.657.158.244
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1.148.169.529.129	1.148.169.529.129
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.103.182.607.865	1.103.182.607.865
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.311.220.000	75.311.220.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.324.298.736)	(30.324.298.736)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		339.622.331	687.333.342
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	339.622.331	687.333.342
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		10.494.489.647.875	10.041.539.948.454

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		7.772.631.092.751	7.340.383.605.167
I. Nợ ngắn hạn	310		2.809.138.177.663	2.614.261.786.344
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	226.203.238.331	281.664.175.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	422.777.965.057	277.758.919.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	83.360.803.579	147.172.252.547
4. Phải trả người lao động	314		50.162.231.915	91.489.130.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	102.624.712.808	104.394.412.259
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.387.929.012	28.410.729.012
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	114.991.256.430	242.401.225.144
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	1.703.267.702.180	1.367.020.579.011
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		10.225.677.966	9.388.072.397
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		67.136.660.385	64.562.291.122
II. Nợ dài hạn	330		4.963.492.915.088	4.726.121.818.823
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	3.364.606.062.572	3.364.606.062.572
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	272.193.091.862	262.021.752.220
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	1.273.455.813.151	1.046.181.672.967
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		53.237.947.503	53.312.331.064
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.721.858.555.124	2.701.156.343.287
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	2.721.858.555.124	2.701.156.343.287
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.277.514.163.240	2.256.811.951.403
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	416		343.275.169.383	343.275.169.383
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		101.069.222.501	101.069.222.501
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.494.489.647.875	10.041.539.948.454
(440 = 300+400)				

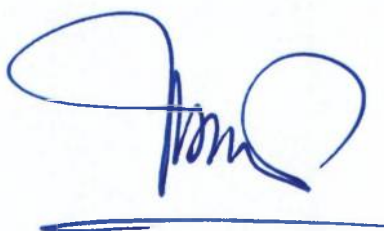
Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023
Tổng Giám đốc

Kế toán lập

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Thu Hằng



Bùi Hoàng Kiều



Đỗ Hoài Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

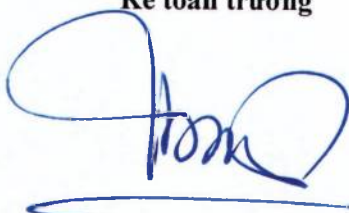
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	546.865.053.233	828.993.229.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	6.594.485.374
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	546.865.053.233	822.398.744.114
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	279.195.095.094	559.371.154.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		267.669.958.139	263.027.589.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	16.394.256.472	57.357.110.837
7. Chi phí tài chính	22	6.4	67.915.646.094	50.057.547.013
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.797.071.200	47.445.374.286
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	9.223.683.764	26.047.410.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	107.043.399.626	122.923.632.086
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		99.881.485.127	121.356.110.661
11. Thu nhập khác	31	6.6	276.269.076	226.871.000
12. Chi phí khác	32	6.6	2.838.629.466	319.079.113
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(2.562.360.390)	(92.208.113)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		97.319.124.737	121.263.902.548
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	28.311.751.947	33.671.907.427
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		69.007.372.790	87.591.995.121

Kế toán lập



Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Kiều

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đỗ Hoài Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

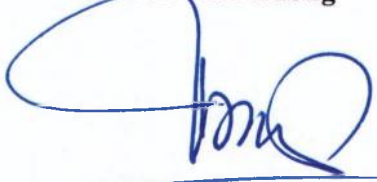
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kê toán kết thức ngày 30/6/2023	Cho kỳ kê toán kết thức ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		97.319.124.737	121.263.902.548
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		14.144.779.971	12.538.599.455
- Các khoản dự phòng	03		(2.023.961.357)	(1.566.234.300)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.653.983.848)	(56.117.328.672)
- Chi phí lãi vay	06		62.797.071.200	47.445.374.286
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		162.583.030.703	123.564.313.317
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(194.212.739.353)	(40.600.106.709)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(159.062.924.611)	(406.075.326.099)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(47.646.034.315)	(158.989.515.360)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.811.030.433)	7.311.289.028
- Tiền lãi vay đã trả	14		(80.377.671.564)	(44.929.158.430)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(98.973.627.266)	(30.269.703.687)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.436.000.000)	(25.547.461.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(440.936.996.839)	(575.535.669.540)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.313.886.121)	(56.351.919.610)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	250.549.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.108.471.397	10.769.829.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.794.585.276	204.966.910.109
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		1.289.272.458.651	839.282.101.783
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(725.751.195.298)	(382.654.967.955)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.166.415.854)	(42.299.966.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		533.354.847.499	414.327.167.725
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		96.212.435.936	43.758.408.294
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		58.195.247.710	257.347.092.052
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	154.407.683.646	301.105.500.346

Kế toán lập



Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Bùi Hoàng Kiều

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đỗ Hoài Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BXD ngày 02 tháng 6 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 595/QĐ-BXD ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ ngày 30 tháng 3 năm 2006.

Theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị do Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị làm nòng cốt cùng với sự tham gia của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tương đồng thuộc Bộ Xây dựng gồm: Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội, Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng ("Tổng Công ty Viglacera"), Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước và môi trường Việt Nam ("Tổng Công ty VIWASEEN") và Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng. Theo Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 25 tháng 06 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 02 tháng 10 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1428/QĐ-TTg về việc kết thúc thí điểm hình thành Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Việt Nam theo quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và giao Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị trước đây.

Ngày 10 tháng 10 năm 2012, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký ban hành Quyết định số 896/QĐ-BXD thành lập Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị. Theo đó, Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị sẽ hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các chi nhánh, văn phòng đại diện, Ban Quản lý dự án, ban điều hành dự án và các đơn vị phụ thuộc của Công ty mẹ - Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (mã số doanh nghiệp 0100106144) thay đổi lần thứ tám (08) ngày 04 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị là 3.981 tỷ đồng (Bằng chữ: Ba nghìn, chín trăm tám mươi một tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính: Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (mã số doanh nghiệp 0100106144) thay đổi lần thứ tám (08) ngày 04 tháng 11 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị là 3.981 tỷ đồng.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đầu tư và phát triển nhà, kinh doanh nhà ở, bất động sản, các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Cho thuê văn phòng làm việc.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, kinh doanh các dịch vụ về bất động sản;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng nhà và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp, tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, công trình đường dây, trạm biến áp;
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị công nghệ vật liệu xây dựng;
- Quản lý khai thác dịch vụ tổng hợp các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- Kinh doanh kho, bãi;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Xuất nhập khẩu lao động (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tài chính, ngân hàng (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh lữ hành du lịch trong nước và quốc tế.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản và thi công xây lắp các công trình.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xác định tiền sử dụng đất, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Tổng Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Tổng Công ty thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Các Công ty con, Công ty liên kết:

Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỉ lệ góp vốn	Tỉ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD10	Hà Nội	Thương mại dịch vụ, kinh doanh bất động sản	62%	62%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD2	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh Bất động sản	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD3	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh Bất động sản	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD4	Thanh Hóa	Đầu tư và xây dựng	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUD6	Hà Nội	Đầu tư bất động sản	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUD8	Hà Nội	Thi công xây lắp, kinh doanh Bất động sản	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUD Sài Gòn (HUD9)	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thi công xây lắp, kinh doanh nhà ở	54,8%	54,8%
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng HUDCIC	Hà Nội	Tư vấn xây dựng, thi công xây lắp	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Hà Nội	Phát triển khu dân cư và khu đô thị mới	51%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và đô thị HUD Nha Trang	TP. Nha Trang	Xây dựng và kinh doanh Bất động sản	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	58,3%	58,3%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	Hà Nội	Kinh doanh sân golf và bất động sản	55%	55%
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (VINAUIC)	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	52,8%	52,8%
<u>Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</u>				
Công ty liên doanh Vinapon	Hà Nội	Cho thuê căn hộ và VP	27,3%	27,3%
Công ty Cổ phần Khách sạn và du lịch Bảo Việt	Bình Thuận	Quản lý khu du lịch	8,34%	8,34%
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá	Kiên Giang	Kinh doanh bất động sản	20,89%	20,89%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)***Các Ban quản lý, đơn vị phụ thuộc:***

- Ban Quản lý dự án số 1: CT3 Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội;
- Ban Quản lý dự án số 2: Khu đô thị mới Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- Ban Quản lý dự án số 5: Số 7 Bà Triệu, phường Nghĩa Trách, thành phố Quảng Ngãi;
- Ban Quản lý dự án số 6: Số 33 đường Vân Đồn, Phước Hòa, Nha Trang
- Ban Quản lý dự án số 8: đường Nguyễn Văn Cừ, ấp Mỹ Hào 2, xã Chánh Mỹ, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương;
- Ban Quản lý dự án số 9: 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ban Quản lý dự án số 11: 430 Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội;
- Ban Quản lý dự án số 12: thôn Đại Bái, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Hà Nội;
- Ban Điều phối và Quản lý dự án Khu dân cư số 5: Lô B, Khu quy hoạch 12A, Triệu Việt Vương, Phường 4, thành phố Đà Lạt.
- Ban Quản lý dự án Hiệp Bình Phước: số 30 đường số 3 Khu đô thị Vạn Phúc, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh.
- Ban Quản lý dự án HUD TOWER, Tầng 28 tòa nhà HUDTOWER, 37 Lê Văn Lương, Hà Nội;
- Chi nhánh Miền Nam, 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ chí Minh;
- Chi nhánh Miền Bắc, Tầng 1-2, tòa nhà 21, Phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Ngày 23/6/2023, Hội đồng thành viên của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 336/NQ-HĐTV về việc chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán sang mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung từ ngày 01/7/2023. Sau thời điểm này, 02 chi nhánh hạch toán theo chế độ báo sổ về Tổng công ty. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của 02 chi nhánh là báo cáo tài chính cuối cùng do 02 chi nhánh lập. Các số liệu tổng hợp từ báo cáo của 02 chi nhánh tại thời điểm ngày 30/6/2023 sẽ được Tổng Công ty tiếp tục rà soát, xử lý và thanh quyết toán với các cá nhân, tổ chức có liên quan trong 6 tháng cuối năm 2023 và được cập nhật phản ánh trực tiếp trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do đó không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 09
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định khác là giá trị các dự án Tổng Công ty thi công từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và sẽ bàn giao về UBND Thành phố Hà Nội sau khi dự án hoàn thành và được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư với Thành phố bao gồm: Dự án cửa ô Phía Nam và Dự án Đường quanh hồ Linh Đàm giai đoạn I&II. Do vậy, Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: Là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tin học thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao từ 2 - 3 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc

20 - 50

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm. Chi phí bán hàng các dự án phân bổ tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm. Chi phí cải tạo sửa chữa tài sản cố định phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trong kỳ, chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án số tiền là 75.561.103.080 đồng, chi phí lãi vay không vốn hóa được kết chuyển vào chi phí tài chính trong kỳ 62.797.071.200 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Trích trước chi phí lãi vay;
- Trích trước Chi phí các dự án theo suất đầu tư hoặc theo dự toán của các dự án kinh doanh bất động sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Đối với Doanh thu bán bất động sản:**

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất, chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	8.920.062.740	13.556.558.000
Tiền gửi ngân hàng	141.072.660.906	40.223.729.710
Các khoản tương đương tiền	4.414.960.000	4.414.960.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	4.414.960.000	4.414.960.000
Tổng	154.407.683.646	58.195.247.710

(*) Tiền gửi tại ngân hàng Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Hà Nội I có kỳ hạn 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Mẫu số B 09a - DN

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt NamBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	659.965.311.079	589.707.385.240
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) (*)	16.752.184.483	19.752.184.483
Ban QLDA ĐT&XD các công trình từ nguồn vốn NSNN-Sở XD Hà Nội - Công trình Nhà ở Sinh viên A5- A6 Pháp Vân (Tổng thầu xây lắp)	48.115.685.326	48.115.685.326
Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội	100.683.749.408	100.683.749.408
Công ty TNHH NN1TV Cấp thoát nước Bắc Ninh	34.485.908.476	34.485.908.476
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Đô thị Việt Nam (**)	14.226.012.690	14.226.012.690
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Việt Ý (***)	19.669.177.056	18.118.438.419
Phải thu khách hàng khác	426.032.593.640	354.325.406.438
Tổng	659.965.311.079	589.707.385.240
<i>Trong đó: Phải thu các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2</i>	<i>14.226.012.690</i>	<i>14.226.012.690</i>

(*): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu Tổng Công ty lắp máy Việt Nam với số tiền 16.752.184.483 đồng.

(**): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng đô thị Việt Nam với số tiền là: 14.206.680.690 đồng.

(***): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Thương mại xây dựng Việt Ý với số tiền là 18.118.438.419 đồng.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng (Dự án khu dân cư số 5, Đà Lạt, Lâm Đồng)	12.590.554.000	12.637.504.000
Ban Bồi thường Hỗ trợ GPMB Huyện Hoài Đức (Dự án Vân Canh) (*)	19.111.307.320	19.111.307.320
Ban bồi thường, GPMB quận 9 TP.HCM (Dự án Đông Tăng Long)	18.398.567.307	18.398.567.307
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	25.841.110.988	11.403.590.988
Các đối tượng khác (**)	142.513.084.400	90.140.738.737
Tổng	218.454.624.015	151.691.708.352
<i>Trong đó: Trả trước các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2</i>	<i>1.237.644.682</i>	<i>1.463.671.682</i>

(*): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu của Ban Bồi thường Hỗ trợ GPMB Huyện Hoài Đức (Vân Canh) nay là Trung tâm phát triển quỹ đất Huyện Hoài Đức với số tiền 19.111.307.320 đồng.

(**): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu của các khách hàng khác với số tiền là: 16.958.145.485 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dư phòng	Giá trị ghi số	Dư phòng
Ngắn hạn	157.369.543.645	(49.502.327.642)	93.538.482.749	(49.502.327.642)
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng (*)	46.217.733.000	(46.217.733.000)	46.217.733.000	(46.217.733.000)
Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết (**)	20.510.437.713	(3.284.594.642)	20.964.925.262	(3.284.594.642)
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng Dự án Chánh Mỹ	51.345.524.550	-	-	-
Công ty Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước Waseco	15.337.572.099	-	15.337.572.099	-
Các khoản phải thu khác	7.235.033.576	-	8.143.771.136	-
Tạm ứng	16.572.242.707	-	2.683.481.252	-
Cầm cố ký quỹ ký cược ngắn hạn	151.000.000	-	191.000.000	-
Tổng	157.369.543.645	(49.502.327.642)	93.538.482.749	(49.502.327.642)
Trong đó: Phải thu các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh				
Báo cáo tài chính số 7.2	20.510.437.713	(3.284.594.642)	20.671.286.062	(3.284.594.642)

(*) Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần Thép Sông Hồng (THS), giá trị số sách của cổ phiếu THS là âm khoảng (-9.500 đồng/cổ phiếu (vốn chủ sở hữu (-)110 tỷ đồng). Đến ngày 31/3/2012, THS đã nợ gần 540 tỷ đồng trong đó có 350 tỷ đồng nợ quá hạn. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng khả năng thu hồi khoản công nợ nên quyết định trích lập dự phòng phải thu khó đòi bằng 100% giá trị khoản phải thu, tương đương với số tiền 46.217.733.000 đồng. Ngày 05/01/2021, Tổng Công ty HUD đã có đơn khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần Thép Sông Hồng. Ngày 18/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định số 764/2021/QĐ-MTTPS quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần Thép Sông Hồng. Hiện nay, Tổng Công ty HUD đang thực hiện các nội dung tiếp theo đúng với quy định của Pháp luật. Ngày 08/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 19/2022/QĐXXLQĐMTTPS về việc giải quyết đề nghị xem xét lại quyết định mở thủ tục phá sản của Tổng Công ty HUD theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hủy Quyết định số 764/2021/QĐ-MTTPS, giao hồ sơ vụ việc về Tòa cấp sơ thẩm để xem xét lại yêu cầu của Tổng Công ty HUD theo quy định của pháp luật. Theo đó Tòa án nhân dân tối cao công nhận Công ty CP Thép Sông Hồng nợ Tổng Công ty HUD số tiền 46.217.733.000 đồng và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ sẽ xem xét lại yêu cầu của Tổng Công ty HUD theo đúng quy định của pháp luật.

(**): Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu của Công ty CP Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam UIC với số tiền là: 3.284.594.642 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Hàng tồn kho

30/6/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)			
		Giá gốc	Dư phòng			Giá gốc	Dư phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		5.719.174.065.559	-			5.571.018.091.322	-
Tổng		5.719.174.065.559	-			5.571.018.091.322	-

Chi tiết theo từng dự án gồm:

30/6/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)			
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		5.719.174.065.559	5.719.174.065.559			5.571.018.091.322	5.571.018.091.322
Các Dự án Mê Linh-Hà Nội		658.770.840.524	658.770.840.524			739.120.175.184	739.120.175.184
Dự án Đồng Tăng Long		1.346.032.341.036	1.346.032.341.036			1.206.458.301.104	1.206.458.301.104
Dự án Hiệp Bình Phước		564.759.662.059	564.759.662.059			560.282.187.529	560.282.187.529
Dự án HUD Sơn Tây		268.221.205.395	268.221.205.395			289.750.203.032	289.750.203.032
Dự án KĐT M Phú Mỹ-Quảng Ngãi		261.089.554.655	261.089.554.655			248.248.706.353	248.248.706.353
Dự án Chánh Mỹ - Bình Dương		1.476.317.415.705	1.476.317.415.705			1.460.770.272.908	1.460.770.272.908
Dự án Vân Canh-Hà Nội		628.202.793.193	628.202.793.193			609.108.441.313	609.108.441.313
Chi phí dở dang dự án khác		515.780.252.992	515.780.252.992			457.279.803.899	457.279.803.899
Tổng		5.719.174.065.559	5.719.174.065.559			5.571.018.091.322	5.571.018.091.322

Tại ngày 30/6/2023, tài sản hình thành trong tương lai của một số dự án/các quyền tài sản phát sinh từ dự án làm tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Xem Chi tiết Thuyết minh 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	9.504.339.948	345.598.504
Chi phí lãi vay chờ phân bổ	9.504.339.948	345.598.504
Dài hạn	339.622.331	687.333.342
Chi phí cải tạo sửa chữa	282.922.500	536.865.963
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	56.699.831	150.467.379
Tổng	9.843.962.279	1.032.931.846

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác (1)	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2023	261.490.545.662	2.040.436.230	43.298.348.314	9.563.829.917	106.794.654.681	423.187.814.804	
Tăng trong kỳ	46.084.956.742	142.000.000	-	-	-	46.226.956.742	
Mua trong kỳ	-	142.000.000	-	-	-	142.000.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	46.084.956.742	-	-	-	-	46.084.956.742	
Giảm trong kỳ	70.690.996.723	-	-	-	-	70.690.996.723	
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	70.690.996.723	-	-	-	-	70.690.996.723	
Số dư tại 30/6/2023	236.884.505.681	2.182.436.230	43.298.348.314	9.563.829.917	106.794.654.681	398.723.774.823	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2023	54.052.520.896	1.883.881.012	27.798.249.194	9.133.958.103	-	92.868.609.205	
Tăng trong kỳ	3.427.330.297	19.156.531	1.716.104.789	163.136.028	-	5.325.727.645	
Khấu hao trong kỳ	3.427.330.297	19.156.531	1.716.104.789	163.136.028	-	5.325.727.645	
Giảm trong kỳ	10.413.147.049	-	-	-	-	10.413.147.049	
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	10.413.147.049	-	-	-	-	10.413.147.049	
Số dư tại 30/6/2023	47.066.704.144	1.903.037.543	29.514.353.983	9.297.094.131	-	87.781.189.801	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2023	207.438.024.766	156.555.218	15.500.099.120	429.871.814	106.794.654.681	330.319.205.599	
Tại 30/6/2023	189.817.801.537	279.398.687	13.783.994.331	266.735.786	106.794.654.681	310.942.585.022	

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 là: 7.774.221.321 VND (tại ngày 01/01/2023 là: 8.561.089.093 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 33.018.902.697 VND (tại ngày 01/01/2023 là: 32.753.575.424 VND).

(1): Tài sản cố định khác là giá trị các dự án Tổng Công ty thi công từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và sẽ bàn giao về UBND Thành phố Hà Nội sau khi dự án hoàn thành và được phê duyệt quyết toán đầu tư với Thành phố bao gồm: Dự án của ô Phía Nam và Dự án Đường quanh hồ Linh Đàm giai đoạn I&II.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2023	49.634.420.686	425.000.000	50.059.420.686
Tăng trong kỳ	8.768.745.766	-	8.768.745.766
Đầu tư XDCB hoàn thành	8.768.745.766	-	8.768.745.766
Giảm trong kỳ	8.882.375.777	-	8.882.375.777
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	8.882.375.777	-	8.882.375.777
Số dư tại 30/6/2023	49.520.790.675	425.000.000	49.945.790.675
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2023	3.266.714.902	183.125.000	3.449.839.902
Tăng trong kỳ	2.102.754.149	76.258.561	2.179.012.710
Khấu hao trong kỳ	2.102.754.149	76.258.561	2.179.012.710
Giảm trong kỳ	493.803.325	-	493.803.325
Phân loại sang Bất động sản đầu tư	493.803.325	-	493.803.325
Số dư tại 30/6/2023	4.875.665.726	259.383.561	5.135.049.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	46.367.705.784	241.875.000	46.609.580.784
Tại 30/6/2023	44.645.124.949	165.616.439	44.810.741.388

Tổng Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 là: 27.394.805.292 VND (tại ngày 01/01/2023 là: 27.493.534.692 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 125.000.000 VND (tại ngày 01/01/2023 là: 80.000.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	595.693.668.191	217.388.882.833	-	813.082.551.024
- Nhà	595.693.668.191	217.388.882.833	-	813.082.551.024
Giá trị hao mòn lũy kế	156.169.370.036	17.621.373.551	-	173.790.743.587
- Nhà	156.169.370.036	17.621.373.551	-	173.790.743.587
Giá trị còn lại	439.524.298.155	199.767.509.282	-	639.291.807.437
- Nhà	439.524.298.155	199.767.509.282	-	639.291.807.437

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là giá trị quyết toán công trình hoặc giá trị tạm tính theo nghị quyết phân bổ và các chi phí trực tiếp khác liên quan gồm:

+ Tòa nhà HUD Building tại số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạch, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đang cho thuê hoạt động với tổng diện tích cho thuê chiếm khoảng 80% tổng diện tích tòa nhà, phần diện tích còn lại được sử dụng làm văn phòng đại diện của Tổng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2023 của tòa nhà HUD Building tại số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạch, thành phố Hồ Chí Minh đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (xem Thuyết minh số 5.17).

+ Phần tầng hầm, thương mại Dự án Newskyline Văn Quán.

+ Phần tầng hầm, thương mại Dự án Lối bán đảo Linh Đàm.

+ Phần thương mại Dự án Thanh Bình Plaza.

+ Tầng 1 và lửng, tầng 11 và tầng 27 Dự án tòa nhà HUDDOWER.

+ Ki ốt tầng 1 Dự án P3 Phương Liệt.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản trong năm là 10.542.943.563 đồng, giá vốn tương ứng hoạt động này là 6.714.423.177 đồng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2023, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.186.215.549.020	1.186.215.549.020	1.361.657.158.244	1.361.657.158.244
Mua sắm TSCĐ	461.200.000	461.200.000	461.200.000	461.200.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	2.412.914.683	2.412.914.683	1.029.549.691	1.029.549.691
Dự án Tòa nhà văn phòng HUDTOWER	1.183.341.434.337	1.183.341.434.337	1.360.166.408.553	1.360.166.408.553
Tổng	1.186.215.549.020	1.186.215.549.020	1.361.657.158.244	1.361.657.158.244

Tại ngày 30/6/2023, toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất thuộc dự án Tòa nhà HUDTOWER tại ô đất số 2.4 Lê Văn Lương được
thể chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Xem chi tiết Thuyết minh 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ		30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con					
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD10	62,0%	62,0%	62,0%	1.103.182.607.865	(1.280.198.359)
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2	51,0%	51,0%	51,0%	24.800.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD3	51,0%	51,0%	51,0%	49.161.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4	51,0%	51,0%	51,0%	52.435.369.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	51,0%	51,0%	51,0%	92.310.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	51,0%	51,0%	51,0%	38.250.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD9	54,8%	54,8%	54,8%	51.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUDCIC	51,0%	51,0%	51,0%	25.500.000.000	(227.412.393)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	51,0%	51,0%	51,0%	5.049.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và đô thị HUD Nha Trang	51,0%	51,0%	51,0%	102.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	100,0%	100,0%	100,0%	51.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	58,3%	58,3%	58,3%	498.042.938.865	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	55,0%	55,0%	55,0%	22.167.000.000	(1.052.785.966)
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (VINAUIC)	52,8%	52,8%	52,8%	73.000.000.000	-
				18.467.300.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

		30/6/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)			
		Tỷ lệ		Giá trị		Giá trị		Giá trị	
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết									
Công ty Liên doanh Vinapon (1)	27,3%	27,3%	27,3%	75.311.220.000	(29.044.100.377)	75.311.220.000	(29.044.100.377)	75.311.220.000	(29.044.100.377)
Công ty Liên doanh JANA (2)				32.497.920.000	-	32.497.920.000	-	32.497.920.000	-
Công ty CP Khách sạn và du lịch Bảo Việt	8,34%	8,34%	8,34%	15.000.000.000	(5.243.978.044)	15.000.000.000	(5.243.978.044)	15.000.000.000	(5.243.978.044)
Công ty CP Sài Gòn - Rạch Giá	20,89%	20,89%	20,89%	27.813.300.000	(23.800.122.333)	27.813.300.000	(23.800.122.333)	27.813.300.000	(23.800.122.333)
Đầu tư vào đơn vị khác									
Tổng				1.178.493.827.865	(30.324.298.736)	1.178.493.827.865	(30.324.298.736)	1.178.493.827.865	(30.324.298.736)

(1): Tổng Công ty được Nhà nước giao giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và dùng quyền sử dụng đất góp vốn điều lệ bằng giá trị quyền sử dụng 3.090 m² tại khu Voi Phục, Ba Đình, Hà Nội trong vòng 30 năm với giá trị 2.047.500 USD. Trong năm 2012 Công ty Tubaki Capital - một trong 3 chủ sở hữu đã góp thêm 2 triệu USD, theo đó tỉ lệ sở hữu của HUD tại VINAPON giảm từ 37,23% xuống còn 27,30%. Thời gian hoạt động của Liên doanh là 35 năm và khi kết thúc, toàn bộ tài sản cố định của Công ty liên doanh sẽ chuyển giao không bồi hoàn cho Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Tổng Công ty được Nhà nước giao giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và dùng quyền sử dụng đất góp 35% vốn điều lệ bằng giá trị quyền sử dụng 5.328 m² đất tại Lô B2, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội trong vòng 25 năm với giá trị 1.050.000 USD. Theo thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh ngày 29/6/1996, tỉ lệ phân chia lợi nhuận từ năm thứ 1 đến năm thứ 15 giữa HUD và Bên nước ngoài trong Công ty Liên doanh JANA là 35/65.

Trong năm 2021, Căn cứ vào Hợp đồng liên doanh và Nghị quyết Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Jana ngày 31/8/2021 về việc chấm dứt hoạt động của Dự án Giáp Bát Mansion và chấm dứt hoạt động Công ty; Căn cứ vào các Văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch đầu tư và Bộ Xây dựng. Thỏa thuận chuyển giao tài sản không bồi hoàn và Biên bản bàn giao giữa Công ty TNHH Liên doanh JANA và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - Công ty TNHH, Tổng Công ty đại diện Bên Việt Nam nhận bàn giao tài sản không bồi hoàn với tổng giá trị nguyên giá là 131.064.015.749 đồng, giá trị còn lại đến ngày 18/9/2021 là 0 đồng. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện giải thể Công ty.

(*): Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ Tổng Công ty vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Phải trả người bán

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	226.203.238.331	226.203.238.331	281.664.175.052	281.664.175.052
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	20.594.122.817	20.594.122.817	20.594.122.817	20.594.122.817
Công ty CP Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	10.455.481.475	10.455.481.475	10.455.481.475	10.455.481.475
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUDI	44.238.986.483	44.238.986.483	44.238.986.483	44.238.986.483
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD3	17.417.088.310	17.417.088.310	18.319.108.448	18.319.108.448
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phát triển nhà Song Khánh	2.516.698.959	2.516.698.959	2.935.514.959	2.935.514.959
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp điện nước HUD3.1	1.513.150.869	1.513.150.869	38.035.382.866	38.035.382.866
Công ty CP Xây dựng HUD Invest	-	-	12.791.918.361	12.791.918.361
Các đối tượng khác	129.467.709.418	129.467.709.418	134.293.659.643	134.293.659.643
Tổng	226.203.238.331	226.203.238.331	281.664.175.052	281.664.175.052

Trong đó: Phải trả các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP TASCO	189.932.517.200	189.932.517.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	13.320.496.069	13.320.496.069
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	219.524.951.788	74.505.906.352
Tổng	422.777.965.057	277.758.919.621

Trong đó: Người mua ứng tiền trước các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số phải nộp		Số đã nộp		Đơn vị tính: VND
	01/01/2023	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2023	
Phải nộp	147.172.252.547	189.646.959.665	253.458.408.633	83.360.803.579	
Thuế giá trị gia tăng	2.414.184.461	16.021.671.605	800.016.057	17.635.840.005	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.973.627.266	28.311.751.947	98.973.627.266	28.311.751.947	
Thuế thu nhập cá nhân	1.525.545.690	9.467.588.724	7.156.714.444	3.836.419.970	
Tiền sử dụng đất	-	88.541.558.566	88.541.558.566	-	
Tiền thuê đất	10.462.480.523	13.224.409.380	21.404.889.940	2.281.999.960	
Thuế môn bài và các loại thuế phí khác	-	11.266.835	11.266.835	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	33.796.414.607	34.068.712.608	36.570.335.525	31.294.791.690	
Lợi nhuận nộp về NSNN	30.166.415.854	31.294.791.690	30.166.415.854	31.294.791.690	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.629.998.753	2.773.920.918	6.403.919.671	-	
Phải thu	380.559.294.410	552.721.729	484.456.514	380.491.029.194	
Thuế thu nhập cá nhân	135.914.530	552.721.729	416.807.199	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	380.423.379.880	-	67.649.315	380.491.029.194	

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊTầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15 Chi phí phải trả

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	102.624.712.808	104.394.412.259
Dự án lõi Bán đảo Linh Đàm	31.399.573.188	31.399.573.188
Dự án Newskyline Văn Quán	24.104.967.431	24.128.260.342
Dự án Số 4 Nguyễn Thiện Thuật	20.492.437.064	20.492.437.064
Trích trước chi phí xây lắp	11.380.329.361	11.380.329.361
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	5.812.316.632	9.000.673.110
Trích trước chi phí bán hàng dự án Thanh Lâm Đại Thịnh	9.012.710.950	7.509.761.012
Chi phí khác	422.378.182	483.378.182
Dài hạn	3.364.606.062.572	3.364.606.062.572
Dự án Mỹ Đình II	30.999.855.602	30.999.855.602
Dự án Đông Bắc Ga	5.753.784.290	5.753.784.290
Dự án Định Công	25.432.671.355	25.432.671.355
Dự án Bắc Linh Đàm (24ha)	22.137.545	22.137.545
Dự án Bán đảo Linh Đàm (35ha)	342.928.033.364	342.928.033.364
Dự án Tây Nam Linh Đàm	549.181.544.640	549.181.544.640
Đường giao thông quanh hồ Linh Đàm giai đoạn 1	62.994.073.633	62.994.073.633
Dự án Văn Quán: Hạ tầng kỹ thuật	141.387.431.447	141.387.431.447
Dự án Việt Hưng	1.268.597.630.107	1.268.597.630.107
Dự án Lê Thái Tổ-Bắc Ninh	671.406.060	671.406.060
Dự án Thanh Bình Plaza	5.919.439.738	5.919.439.738
Dự án P3 Phương Liệt	875.082.002	875.082.002
Dự án Long Thọ-Phước An	546.705.957.132	546.705.957.132
Dự án Phước An 135ha	178.076.457.048	178.076.457.048
Dự án Pháp Vân	152.112.311.290	152.112.311.290
Dự án Đông Sơn	36.265.446.885	36.265.446.885
Dự án Hà Tĩnh	16.682.800.434	16.682.800.434
Tổng	3.467.230.775.380	3.469.000.474.831

Trong tổng số dư phải trả tại ngày 30/6/2023 bao gồm các khoản chi phí trích trước để đầu tư hoàn thiện các hạng mục công trình còn lại theo quy hoạch được duyệt (chủ yếu là các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật) tại một số dự án bất động sản với tổng số tiền là 3.440.603.040.255 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.440.626.333.166 đồng). Theo đánh giá của Tổng Công ty, số dư các khoản chi phí trích trước này sẽ được quyết toán khi Tổng Công ty thực hiện quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo từng dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.16 Phải trả khác

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	114.991.256.430	242.401.225.144
Kinh phí công đoàn	566.529.341	269.917.417
Bảo hiểm xã hội	730.436.771	736.727.630
Bảo hiểm y tế	966.499	-
Bảo hiểm thất nghiệp	345.041	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.776.579.817	117.910.719.855
Công ty CP Phát triển đô thị Ba Son	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH VINACAPITAL Phước Điền	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty CP ĐTPT Địa ốc An Khang Land	2.085.118.000	2.085.118.000
Công ty TNHH BĐS INCOMREAL	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Vạn Xuân	7.780.000.000	7.780.000.000
Công ty Trường Thịnh Phát	-	78.792.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	18.311.461.817	16.653.601.855
Phải trả, phải nộp khác	72.916.398.961	123.483.860.242
Tiền thuê đất bổ sung dự án Việt Hưng theo Thông báo 19261 ngày 03/10/2019	20.729.132.211	20.729.132.211
Nguồn kinh phí bảo trì nhà chung cư trước luật nhà ở (3)	6.394.356.737	6.394.356.737
Nguồn kinh phí bảo trì nhà chung cư sau luật nhà ở (4)	15.245.364.877	49.311.694.188
Lãi vay phải trả	207.271.306	19.250.037.014
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.340.273.830	27.798.640.092
Dài hạn	272.193.091.862	262.021.752.220
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Hiệp Bình Phước (1)	144.022.607.991	144.022.607.991
Công ty CP Đầu tư PT Hợp Phú góp vốn Hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Đà Lạt Paradise Garden (2)	62.897.759.643	56.991.623.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản Tara - Land (2)	65.272.724.228	59.033.901.045
Phải trả dài hạn khác	-	1.973.620.182
Tổng	387.184.348.292	504.422.977.364
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan chi tiết tại		
Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2	2.113.654.481	1.163.835.151

(1): Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh Đầu tư xây dựng khai thác: Dự án khu dân cư và Công viên giải trí Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/5/2007 giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) và Công ty CP Phát triển Phong Phú, hai bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới và giao cho HUD triển khai và thực hiện kinh doanh dự án. HUD sẽ góp vốn hợp tác liên doanh 30% tổng mức đầu tư dự án, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú sẽ góp 70% còn lại.

(2): Theo Hợp đồng số 01/HĐHTĐTXD&KD ngày 04/12/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu dân cư số 5 tại phường 4, thành phố Đà Lạt giữa Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) với Công ty CP Đầu tư phát triển Hợp Phú và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà, các bên đã thống nhất hợp tác, góp vốn, đầu tư DA Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật. Việc hợp tác đầu tư, xây dựng và kinh doanh này sẽ không thành lập một pháp nhân mới và Tổng Công ty HUD sẽ là đại diện cho bên liên danh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.16 Phải trả khác (Tiếp theo)

Tổng Công ty HUD sẽ tham gia góp vốn tỷ lệ 51%, Công ty Hợp Phú tham gia góp vốn với tỷ lệ 24% và Công ty Sơn Hà tham gia góp vốn với tỷ lệ 25%.

Ngày 27/12/2012, Công ty Sơn Hà đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp tại DA cho Công ty CP Sản xuất thương mại và đầu tư Thịnh Phát.

Ngày 25/10/2019, tại Biên bản làm việc về chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư DA Đà Lạt giữa hai bên: Công ty CP Sản xuất thương mại và đầu tư Thịnh Phát với Công ty CP Đầu tư bất động sản Tara-land, Công ty Thịnh Phát bán lại toàn bộ phần vốn góp của mình (tương đương 25% tỷ lệ vốn tham gia) cho Công ty Tara-land. Việc chuyển nhượng phần vốn này đã được Tổng Công ty HUD và Công ty Hợp Phú chấp thuận bằng văn bản.

Tính từ ngày 12/12/2019, gồm 3 nhà đầu tư góp vốn thực hiện DA Đà Lạt với tỷ lệ góp như sau:

- + Tổng Công ty HUD tham gia góp vốn với tỷ lệ: 51%;
- + Công ty Hợp Phú tham gia góp vốn với tỷ lệ: 24%;
- + Công ty Tara - land tham gia góp vốn với tỷ lệ: 25%.

Ngày 08/6/2021, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 02 ngày 08/6/2021 về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án Khu dân cư số 5. Thay đổi một số nội dung hợp đồng, trong đó có nội dung như sau:

- Việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh của dự án không thành lập pháp nhân mới, các bên thống nhất chỉ định HUD làm đại diện cho hợp doanh làm chủ đầu tư của dự án theo quy định pháp luật và quy định tại hợp đồng này;
- Về tỷ lệ góp vốn

- + Tổng Công ty HUD tham gia góp vốn với tỷ lệ: 51%;
- + Công ty Hợp Phú tham gia góp vốn với tỷ lệ: 24%;
- + Công ty Tara - Land tham gia góp vốn với tỷ lệ: 25%.

Tiến độ góp vốn theo Biên bản làm việc các Bên, Mỗi bên chậm góp vốn phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho các bên còn lại và phải thanh toán cho Hợp doanh khoản lãi chậm góp vốn bằng 0,04%/ngày tính trên số tiền chậm nộp góp vốn tương ứng với thời hạn gian chậm góp vốn.

Thay thế toàn bộ Điều 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Hợp đồng.

(3): Nguồn kinh phí bảo trì nhà chung cư trước Luật đất nhà ở có hiệu lực, là khoản tiền Tổng Công ty trích nguồn thu của các dự án, hiện đang dùng để bảo trì sửa chữa các tòa nhà chung cư bàn giao cho Ban quản trị.

(4): Nguồn kinh phí bảo trì nhà chung cư sau Luật nhà ở có hiệu lực, được thu từ khách hàng bằng 2% giá trị hợp đồng. Nguồn kinh phí này đang được theo dõi tại Tổng Công ty HUD do các tòa nhà chung cư chưa thành lập được Ban Quản trị. Khi các tòa nhà đã thành lập được Ban Quản trị, Tổng Công ty sẽ thực hiện việc chuyển trả theo đúng quy định của Pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2023 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Vay vốn của CBCNV (1)	1.703.267.702.180	1.703.267.702.180	1.058.758.318.467	722.511.195.298	1.367.020.579.011	1.367.020.579.011
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Hà Nội (2)	325.725.440.871	325.725.440.871	336.090.974.617	140.415.897.967	130.050.364.221	130.050.364.221
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội 1 (3)	467.356.681.133	467.356.681.133	286.964.326.459	106.365.366.680	286.757.721.354	286.757.721.354
Công ty CP Đầu tư xây dựng 3H Sài Gòn	60.806.148.445	60.806.148.445	92.658.131.096	45.729.930.651	13.877.948.000	13.877.948.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDCIC	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần xây dựng HUD INVEST	3.600.000.000	3.600.000.000	3.600.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD10	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & xây lắp điện nước HUD3.1	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và đô thị Thịnh Phát Land	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Công ty Liên doanh VINAPON <4>	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	9.315.886.295	9.315.886.295	1.944.886.295	-	7.371.000.000	7.371.000.000
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Hà Nội (5)	596.963.545.436	596.963.545.436	198.000.000.000	130.000.000.000	528.963.545.436	528.963.545.436
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Trái phiếu đến hạn trả năm 2023)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	300.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Hà Nội (5)	580.705.813.151	580.705.813.151	426.514.140.184	201.240.000.000	355.431.672.967	355.431.672.967
Vay cá nhân, khác (1)	558.791.306.284	558.791.306.284	404.599.633.317	198.000.000.000	352.191.672.967	352.191.672.967
	21.914.506.867	21.914.506.867	21.914.506.867	3.240.000.000	3.240.000.000	3.240.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2023 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Trái phiếu thông thường						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	692.750.000.000	692.750.000.000	2.000.000.000	-	690.750.000.000	690.750.000.000
	692.750.000.000	692.750.000.000	2.000.000.000	-	690.750.000.000	690.750.000.000
Tổng (a+b+c)	2.976.723.515.331	2.976.723.515.331	1.487.272.458.651	923.751.195.298	2.413.202.251.978	2.413.202.251.978
Ghi chú:						
Các khoản vay và thuê tài chính với các bên liên quan						
Mệnh giá thông thường bao gồm:						
Mệnh giá trái phiếu	792.750.000.000	792.750.000.000	2.000.000.000	300.000.000.000	1.090.750.000.000	1.090.750.000.000
Phí phát hành trái phiếu hạch toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	800.000.000.000	800.000.000.000	-	300.000.000.000	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	(7.250.000.000)	(7.250.000.000)	2.000.000.000	-	(9.250.000.000)	(9.250.000.000)
Trong đó: Các khoản vay và thuê tài chính với các bên liên quan Chi tiết tại mục 7.2	129.415.886.295	129.415.886.295	122.044.886.295	-	7.371.000.000	7.371.000.000
- Thuyết minh Báo cáo tài chính						

(1) Hợp đồng vay cá nhân với Cán bộ công nhân viên Công ty theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐTV ngày 26 tháng 3 năm 2019 phê duyệt phương án huy động vốn của Cán bộ công nhân viên HUD, các thể nhân và tổ chức khác với số tiền huy động vốn tối đa là 600.000.000.000 đồng. Thời hạn vay vốn là 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, 12 tháng, có thể gia hạn theo thỏa thuận của hai bên. Lãi suất kỳ hạn 12 tháng bằng với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, kỳ hạn 09 tháng: giảm 0,5%/năm so với kỳ hạn 12 tháng, kỳ hạn 06 tháng: giảm 1%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; khoản vay tín chấp không có điều kiện đảm bảo bằng tài sản.

Quyết định số 3513/QĐ-HUD ngày 01/11/2021 v/v kế hoạch huy động vốn CBCNV Tổng Công ty HUD, các thể nhân và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng) 2 tháng cuối năm 2021. Tổng số tiền huy động: 230 tỷ đồng. Mục đích huy động: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án kinh doanh BĐS của Tổng Công ty; phục vụ các nhu cầu chi tiêu khác theo quy định tại Phương án huy động vốn cán bộ công nhân viên HUD, các thể nhân và tổ chức khác kèm theo Nghị quyết số 233/NQ-HĐTV ngày 26/3/2019 của HĐTV Tổng Công ty. Kỳ hạn: 9 tháng và 12 tháng. Lãi suất gồm 2 hình thức: lãi trả đầu kỳ; kỳ hạn 09 tháng là 7,99%/năm, kỳ hạn 12 tháng là 8,26%/năm; lãi trả cuối kỳ: kỳ hạn 09 tháng là 8,5%/năm, kỳ hạn 12 tháng là 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Nghị quyết số 978/NQ-HĐTV ngày 30/12/2022 v/v phê duyệt Phương án huy động vốn CBCNV Tổng công ty, các thể nhân và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng) giai đoạn 2023-2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm với số huy động tối đa không quá 600 tỷ đồng, hình thức bảo lãnh là tín chấp. Lãi suất kỳ hạn 12 tháng lãi cuối kỳ bằng với lãi suất cho vay ngắn hạn (kỳ hạn từ 11 tháng đến dưới 12 tháng) của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Nội cho Tổng Công ty vay trong suốt thời gian thực hiện hợp; kỳ hạn 9 tháng giảm 0,5%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; kỳ hạn 6 tháng giảm 1%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; kỳ hạn 18 tháng tăng 1%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; kỳ hạn 24 tháng tăng 1,5%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; kỳ hạn 30 tháng tăng 2%/năm so với kỳ hạn 12 tháng; kỳ hạn 36 tháng tăng 2,5%/năm so với kỳ hạn 12 tháng.

Quyết định số 44/QĐ-HUD ngày 06/01/2023 v/v Huy động vốn quý I/2023 từ CBCNV Tổng công ty, các thể nhân và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng). Tổng số tiền huy động: 300 tỷ. Mục đích huy động: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ và thực hiện các chương trình đầu tư các dự án kinh doanh. Kỳ hạn: 06 tháng, 09 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng, 30 tháng, 36 tháng. Lãi suất gồm 2 hình thức: lãi trả đầu kỳ: 06 tháng 9,61%/năm, 09 tháng 9,82%/năm, 12 tháng 9,99%/năm. Lãi trả cuối kỳ: Lãi suất áp dụng linh hoạt, thay đổi theo thông báo lãi suất của BIDV Hà Nội kỳ hạn từ 11 tháng đến dưới 12 tháng đang áp dụng cho Tổng Công ty trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, lãi tại thời điểm thông báo như sau: 06 tháng 10,1%/năm, 09 tháng 10,6%/năm, 12 tháng 11,1%/năm, 18 tháng 12,1%/năm, 24 tháng 12,6%/năm, 30 tháng 13,1%/năm và 36 tháng 13,6%/năm.

Quyết định số 910/QĐ-HUD ngày 01/04/2023 v/v Huy động vốn quý II/2023 từ CBCNV Tổng công ty, các thể nhân và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng). Tổng số tiền huy động: 300 tỷ. Mục đích huy động: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu lại các khoản nợ và thực hiện các chương trình đầu tư các dự án kinh doanh. Kỳ hạn: 06 tháng, 09 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng, 30 tháng, 36 tháng. Lãi suất gồm 2 hình thức: lãi trả đầu kỳ: 06 tháng 9,98%/năm, 09 tháng 10,16%/năm, 12 tháng 10,31%/năm. Lãi trả cuối kỳ: Lãi suất áp dụng linh hoạt, thay đổi theo thông báo lãi suất của BIDV Hà Nội kỳ hạn từ 11 tháng đến dưới 12 tháng đang áp dụng cho Tổng Công ty trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, lãi tại thời điểm thông báo như sau: 06 tháng 10,5%/năm, 09 tháng 11%/năm, 12 tháng 11,5%/năm, 18 tháng 12,5%/năm, 24 tháng 13%/năm, 30 tháng 13,5%/năm và 36 tháng 14%/năm.

Quyết định số 1303/QĐ-HUD ngày 05/05/2023 v/v Điều chỉnh lãi suất huy động vốn quý II/2023 đối với CBCNV Tổng công ty, các thể nhân và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng). Điều chỉnh tăng lãi vay đối với các Hợp đồng vay vốn lãi trả đầu kỳ: 12 tháng 11,89%/năm. Điều chỉnh tăng lãi vay đối với các Hợp đồng vay vốn lãi trả cuối kỳ: 12 tháng 13,5%/năm, 18 tháng 14,5%/năm, 24,30 và 36 tháng 15%/năm.

Hợp đồng vay cá nhân với Cán bộ công nhân viên Công ty theo Nghị quyết số 254/NQ-HĐTV ngày 10 tháng 4 năm 2020 v/v điều chỉnh phương án huy động vốn của Cán bộ công nhân viên HUD, các thể nhân và tổ chức khác đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 233/NQ-HĐTV ngày 26/03/2019 của Hội đồng thành viên TCT. Theo đó, Thời hạn vay vốn bổ sung thêm kỳ trung hạn là 18, 24, 30 và 36 tháng. Về lãi suất: bổ sung thêm kỳ hạn 18 tháng tăng 1% so với kỳ hạn 12 tháng, kỳ 24 tháng tăng 1,5% so với kỳ hạn 12 tháng, kỳ hạn 30 tháng tăng 2% so với kỳ hạn 12 tháng, kỳ hạn 36 tháng tăng 2,5% so với kỳ hạn 12 tháng. Đối với kỳ trung hạn 18, 24, 30, 36 tháng thì lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thông báo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/135338/HĐTDHM ngày 12/10/2021 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hạn mức cấp tín dụng: 500 tỷ đồng. Mục đích: cho vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh dự án bất động sản và các nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu trong ngân hạn của Khách hàng. Lãi suất: được xác định cụ thể trong từng Hợp đồng tín dụng. Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/9/2022. Thời hạn cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Biện pháp bảo đảm: Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 159 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh; Thế chấp tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 21 Kim Đồng, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Thế chấp tòa nhà văn phòng HUDBUILDING tại lô đất CQ-05, dự án cải tạo chỉnh trang hai bên tuyến phố Ngô Gia Tự phường Đức Giang và phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội.

(3) Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV- 202100587 ngày 28/6/2022 với Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội 1. Hạn mức cấp tín dụng: 80 tỷ đồng. Phương thức cho vay: theo hạn mức tín dụng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng tính từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 28/06/2023. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 7,5%. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh phù hợp với chính sách lãi suất của Agribank và không thấp hơn lãi suất quy định của Agribank CN Hà Nội 1 trong từng thời kỳ, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30L- 1517 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 091915 được phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/4/2008, đăng ký lần đầu ngày 14/04/2008; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký xe ô tô là 30A-689.63 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100885 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 21/5/2015, đăng ký lần đầu ngày 10/7/2008; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30M-4664 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 074125 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 08/7/2008; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30M-4679 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 074359 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 10/7/2008, đăng ký lần đầu ngày 10/7/2008; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30N-8558 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 138529 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 10/02/2009, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2009; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30A-564.89 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 076967 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2015, đăng ký lần đầu ngày 06/02/2009; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 29A- 824.46 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 121772 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 21/6/2013, đăng ký lần đầu ngày 05/06/2009; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30X- 9498 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000351 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 13/4/2010, đăng ký lần đầu ngày 13/4/2010; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30F- 614.97 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 537801 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 31/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 31/01/2019; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30E- 939.10 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 386205 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 10/4/2017, đăng ký lần đầu ngày 15/7/2010; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30F- 613.37 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 537778 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 31/01/2019, đăng ký lần đầu ngày 31/01/2019; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 29A- 104.08 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098825 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 28/01/2011, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2011;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30Z- 3637 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 048881 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 08/7/2010, đăng ký lần đầu ngày 08/7/2010; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 29A-027.36 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017071 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2010, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2010; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-169.00 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29111224 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/9/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-164.84 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29111272 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/9/2021, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2010; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-168.50 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29111245 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/09/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-169.42 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29111375 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/9/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-169.51 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29111364 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 23/09/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-233.34 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29129130 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-236.08 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29129133 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-236.46 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29129260 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-236.43 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29129135 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2021; thế chấp tài sản là xe ô tô mang biển số đăng ký là 30H-237.08 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29129262 được Phòng cảnh sát giao thông - Công an TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2021; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01-1006/2020/HĐTG/NHNHNI-HUD phát hành ngày 10/6/2020; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02-1006/2020/HĐTG/NHNHNI-HUD phát hành ngày 10/6/2020; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03-1006/2020/HĐTG/NHNHNI-HUD phát hành ngày 10/6/2020; hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 04-1006/2020/HĐTG/NHNHNI-HUD phát hành ngày 10/6/2020; căn hộ chung cư trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 694226, số vào sổ cấp GCN: CT02121 do Sở tài nguyên và môi trường TP.HCM cấp ngày 17/08/2010; căn hộ chung cư trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 694227, số vào sổ cấp GCN: CT02115 do Sở tài nguyên và môi trường TP.HCM cấp ngày 17/8/2010.

(4) Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/HUD- VNP giữa bên cho vay là Công ty Liên doanh Vinapon và bên vay Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - Công ty TNHH MTV (HUD). Bên cho vay đồng ý cho bên vay và bên vay đồng ý vay từ bên cho vay một khoản tiền là 7.371.000.000 đồng (bảy tỷ ba trăm bảy mươi mốt triệu đồng chẵn). Lãi suất cho vay 5%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh khi có nghị quyết mới của Hội đồng thành viên Công ty Liên doanh Vinapon về việc cho vay vốn. Thời hạn vay 06 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty HUD.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gồm các Hợp đồng sau:

+ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/135338/HĐTĐTH-PM ngày 18/12/2019 với số tiền cấp hạn mức là 488.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện Đầu tư Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Phú Mỹ và Đầu tư xây dựng Khu nhà ở - thương mại tuyến phố trung tâm thuộc Dự án Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Phú Mỹ tại Phường Nghĩa Chánh và xã Nghĩa Đồng, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi của Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị (nhưng không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng). Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/135338/HĐTĐTH-PM ngày 18/12/2019.

+ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/135338/HĐTĐTH - TLĐT ngày 25/12/2019 với số tiền cấp hạn mức là 480.000.000.000 đồng trong mọi trường hợp không vượt quá 25,63% tổng mức đầu tư thực tế (bao gồm VAT) của dự án. Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Thanh Lâm Đại Thịnh 2 (bao gồm thành toán tiền sử dụng đất) tại xã Thanh Lâm, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/135338/HĐBĐ/TLĐT ngày 25/12/2019.

+ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/135338/HĐTĐ - ĐTL ngày 09/12/2021 với số tiền vay là 1.000.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 21,7% tổng mức đầu tư thực tế (bao gồm VAT) của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Đông Tăng Long, phường Trường Thành, quận 9, TP Hồ Chí Minh. Mục đích vay: thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án Khu đô thị mới Đông Tăng Long (bao gồm cả chi phí tiền sử dụng đất). Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Biện pháp bảo đảm: toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay, vốn chủ sở hữu và vốn khác) của Dự án.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a- DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	2.206.224.487.466	343.275.169.383	-	101.069.222.501	-	2.650.568.879.350
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	168.624.879.791	168.624.879.791
Tạm trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	50.587.463.937	-	(50.587.463.937)	-
Tam trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(50.427.000.000)	(50.427.000.000)
Chuyển số dư các Quỹ tăng vốn điều lệ	50.587.463.937	-	(50.587.463.937)	-	-	-
Tạm xác định chuyển lợi nhuận nộp	-	-	-	-	(67.610.415.854)	(67.610.415.854)
Ngân sách Nhà nước năm 2022	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	2.256.811.951.403	343.275.169.383	-	101.069.222.501	-	2.701.156.343.287
Số dư tại 01/01/2023	2.256.811.951.403	343.275.169.383	-	101.069.222.501	-	2.701.156.343.287
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	69.007.372.790	69.007.372.790
Tạm trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	20.702.211.837	-	(20.702.211.837)	-
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(17.010.369.263)	(17.010.369.263)
Chuyển số dư các Quỹ tăng vốn điều lệ (2)	20.702.211.837	-	(20.702.211.837)	-	-	-
Tạm xác định chuyển lợi nhuận nộp	-	-	-	-	(31.294.791.690)	(31.294.791.690)
Ngân sách Nhà nước 6 tháng năm 2023	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2023	2.277.514.163.240	343.275.169.383	-	101.069.222.501	-	2.721.858.555.124

(1): Căn cứ theo Quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

(2): Tổng Công ty thực hiện kết chuyển số dư các quỹ tăng vốn điều lệ theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn góp của Nhà nước (Đại diện Bộ Xây dựng)	2.277.514.163.240	2.256.811.951.403
Tổng	2.277.514.163.240	2.256.811.951.403

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu xây lắp	-	6.772.408.721
Doanh thu kinh doanh bất động sản	526.948.928.064	804.886.571.265
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	19.916.125.169	17.334.249.502
Tổng	546.865.053.233	828.993.229.488
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại bất động sản	-	6.594.485.374
Tổng	-	6.594.485.374
Doanh thu thuần		
Doanh thu xây lắp	-	6.772.408.721
Doanh thu kinh doanh bất động sản	526.948.928.064	798.292.085.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	19.916.125.169	17.334.249.502
Tổng	546.865.053.233	822.398.744.114
<i>Trong đó: Doanh thu các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2</i>	4.715.941.000	-

6.2 Giá vốn bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn xây lắp	-	6.549.998.903
Giá vốn kinh doanh bất động sản	265.260.095.953	532.760.817.677
Giá vốn cung cấp dịch vụ và khác	13.934.999.141	20.060.338.047
Tổng	279.195.095.094	559.371.154.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	246.730.702	371.409.225
Lãi thu hồi khoản đầu tư	-	25.283.028.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.407.253.146	30.462.891.447
Lãi chậm nộp của khách hàng mua nhà	6.740.272.624	1.239.782.165
Tổng	16.394.256.472	57.357.110.837
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2</i>	<i>9.407.253.146</i>	<i>30.462.891.447</i>

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	62.797.071.200	47.445.374.286
(không bao gồm lãi vay đã vốn hóa vào dự án)		
Chi phí tư vấn phát hành Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.118.574.894	612.172.727
Tổng	67.915.646.094	50.057.547.013
<i>Trong đó: Chi phí tài chính các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 7.2</i>	<i>7.989.859.719</i>	<i>4.215.068.494</i>

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	9.223.683.764	26.047.410.564
Chi phí bảo hành	837.605.569	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.386.078.195	25.756.280.774
Chi phí bằng tiền khác	-	291.129.790
Chi phí quản lý	107.043.399.626	122.923.632.086
Chi phí nhân viên quản lý	71.697.683.463	88.269.218.850
Chi phí vật liệu quản lý	331.630.978	255.626.996
Chi phí đồ dùng văn phòng	626.349.641	1.018.615.547
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.577.063.904	4.770.396.811
Thuế phí, lệ phí và phí chuyển tiền	5.950.119.974	1.514.531.950
Chi phí dự phòng	(2.861.566.926)	(1.566.234.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.426.021.790	12.298.056.953
Chi phí bằng tiền khác	15.296.096.802	16.363.419.279
Tổng	116.267.083.390	148.971.042.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.6 Thu nhập khác/Chi phí

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Lãi tiền phạt chậm tiến độ, chấm dứt hợp đồng	166.294.368	-
Thu nhập khác (xử lý công nợ, Thu tiền bán hồ sơ mời thầu.....)	109.974.708	226.871.000
Tổng	276.269.076	226.871.000
Chi phí khác		
Các khoản tiền lãi chậm nộp Thuế TNDN, tiền sử dụng đất...	2.774.203.814	261.504.841
Chi phí khác	64.425.652	57.574.272
Tổng	2.838.629.466	319.079.113
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(2.562.360.390)	(92.208.113)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)			Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (VND)
	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Tổng	
Tổng lợi nhuận kế toán trước khi tính thuế TNDN	88.089.963.075	9.229.161.662	97.319.124.737	121.263.902.548
Trong đó:				
Lợi nhuận Văn phòng Tổng Công ty				
Lợi nhuận Chi nhánh Miền Nam và Miền Bắc	88.089.963.075	9.229.161.662	97.319.124.737	121.263.902.548
Các khoản điều chỉnh tăng	49.895.126.139	3.751.762.004	53.646.888.143	77.558.526.035
- Các khoản tiền lãi chậm nộp Thuế TNDN, tiền sử dụng đất, ...	1.568.111.301	1.206.092.513	2.774.203.814	261.520.129
- Chi phí hỗ trợ từ thiện	-	190.000.000	190.000.000	550.000.000
- Các khoản chi phí lãi vay không được trừ do chưa góp đủ vốn điều lệ	48.327.014.838	2.355.669.491	50.682.684.329	76.747.005.906
Các khoản điều chỉnh giảm	-	9.407.253.146	9.407.253.146	30.462.891.447
- Cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	9.407.253.146	9.407.253.146	30.462.891.447
Tổng thu nhập tính thuế	137.985.089.214	3.573.670.520	141.558.759.734	168.359.537.136
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.597.017.843	714.734.104	28.311.751.947	33.671.907.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.8 Tài sản nhận giữ hộ

STT	Nội dung	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
1	Mặt bằng khu đất: Diện tích khu đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0373749 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/3/1997: Diện tích 5.328 m ²	15.323.770.000	15.323.770.000	-
2	Các Tài sản thuộc Tòa nhà	115.290.258.015	115.290.258.015	-
	Gồm: Phần xây dựng tòa nhà, Hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống điều hòa nhiệt độ, hệ thống máy phát điện, Hệ thống camera gần tường, hệ thống cân bằng tải tường lửa cho Internet và hệ thống nội thất khác		-	-
3	Các tài sản cố định riêng biệt khác	449.987.734	449.987.734	-
+	Bộ đồ chơi sân chơi	37.000.000	37.000.000	-
+	Máy giặt thảm Wetrol 208	30.600.000	30.600.000	-
+	Xe ô tô Ford Laser biển số 29LD-1665	322.607.152	322.607.152	-
+	Máy Photo Fuji Xerox	59.780.582	59.780.582	-
	Tổng	131.064.015.749	131.064.015.749	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Công tác cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty**

Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025, Tổng Công ty HUD đã có Tờ trình số 4407/TTr-HĐTV ngày 28/12/2022 trình Bộ Xây dựng về việc phê duyệt kế hoạch, tiến độ cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty HUD.

Ngày 11/4/2023, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 382/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu giai đoạn 2022-2025. Trong đó, Tổng Công ty HUD hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp trước 31/12/2025.

Ngày 03/7/2023, Tổng Công ty HUD đã có Tờ trình số 2008/TTr-HUD trình Bộ Xây dựng phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty HUD giai đoạn 2021 - 2025 (Đề án) trong đó có nội dung về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa.

Đến nay, Tổng Công ty HUD vẫn đang thực hiện các công việc chuẩn bị cho công tác cổ phần hóa. Trong đó, tập trung vào công tác sắp xếp lại, xử lý đối với các cơ sở nhà, đất theo quy định của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ. Đây là một trong các điều kiện tiên quyết để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan

Tổng Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD10	Công ty con
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD3	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và xây dựng HUD4	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD Sài Gòn (HUD9)	Công ty con
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng HUDCIC	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và đô thị HUD Nha Trang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (VINAUIC)	Công ty con
Công ty Liên doanh Vinapon	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh JANA	Công ty liên doanh
Công ty CP Khách sạn và du lịch Bảo Việt	Công ty liên kết
Công ty CP Sài Gòn - Rạch Giá	Công ty liên kết
Các Thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ
Tầng 28 - 32 Tòa nhà HUDTOWER số 37 Lê Văn Lương,
phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (VINAUIIC)	Công ty con	14.226.012.690	14.226.012.690
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND	Công ty con	13.320.496.069	13.320.496.069
Phải trả người bán			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD10	Công ty con	22.555.356.286	23.478.865.310
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3	Công ty con	6.207.750	6.207.750
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDCIC	Công ty con	17.417.088.310	18.319.108.448
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con	1.824.580.197	2.264.777.196
Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT và XD HUDCIC Miền Nam	Công ty con	2.738.732.174	2.320.024.061
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2	Công ty con	17.116.855	17.116.855
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	Công ty con	4.235.000	4.235.000
	Công ty con	547.396.000	547.396.000
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4	Công ty con	1.237.644.682	1.463.671.682
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn (trước đây là HUD9)	Công ty con	334.034.263	560.061.263
Công ty CP Phát triển nhà và đô thị HUD Nha Trang	Công ty con	352.518.417	352.518.417
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo TJIC	Công ty con	547.807.162	547.807.162
	Công ty con	3.284.840	3.284.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải thu khác		20.510.437.713	20.671.286.062
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3	Công ty con	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4	Công ty con	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	8.663.836.776	2.974.707.500
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà HUD2	Công ty con	912.006.295	2.412.006.295
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con	-	1.799.977.625
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị Nha Trang	Công ty con	-	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (VINAUIC)	Công ty con	3.284.594.642	3.284.594.642
Phải trả khác		2.113.654.481	1.163.835.151
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con	1.906.383.175	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3 (Lãi vay)	Công ty con	-	1.163.835.151
Công ty Liên doanh Vinapon (lãi vay)	Công ty liên kết	207.271.306	-
Vay ngắn hạn		129.415.886.295	7.371.000.000
Công ty Liên doanh Vinapon	Công ty con	9.315.886.295	7.371.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDCIC	Công ty con	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD10	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6	Công ty con	20.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	Công ty con	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	25.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Công ty con	3.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Công ty con	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và đô thị Thịnh Phát Land	Công ty con	2.500.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Các giao dịch bán hàng		4.715.941.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con	4.715.941.000	-
Các giao dịch mua hàng		3.404.962.917	4.273.588.053
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3	Công ty con	-	(147.025.050)
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	Công ty con	-	119.409.700
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDEC	Công ty con	504.596.254	1.004.472.020
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS	Công ty con	938.095.102	2.566.966.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	Công ty con	1.497.356.106	495.807.837
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4	Công ty con	205.479.091	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và đô thị HUD Nha Trang	Công ty con	-	111.408.182
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo TJIC	Công ty con	259.436.364	122.549.000
Cổ tức được nhận		9.407.253.146	30.462.891.447
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà HUD2 (cổ tức)	Công ty con	-	2.285.400.015
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD3	Công ty con	-	1.529.991.432
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD4	Công ty con	-	7.650.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUD6	Công ty con	-	1.147.500.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUD8	Công ty con	-	3.060.000.000
Công ty CP Đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	-	12.240.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà và đô thị HUD Nha Trang	Công ty con	-	2.550.000.000
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Công ty con	7.150.000.000	-
Công ty Liên doanh Vinapon	Công ty liên doanh	2.257.253.146	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.2 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Lãi chậm trả			
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	5.689.129.276	-
		5.689.129.276	-
Giao dịch vay			
Công ty Liên doanh Vinapon	Công ty liên doanh	122.044.886.295	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và đô thị Thịnh Phát Land	Công ty con	1.944.886.295	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDEC	Công ty con	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD10	Công ty con	3.600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	Công ty con	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Công ty con	25.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Công ty con	3.000.000.000	-
		10.000.000.000	-
		2.300.730.443	4.215.068.494
Lãi vay			
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và đô thị Thịnh Phát Land	Công ty con	298.064.384	1.264.520.549
Công ty Liên doanh Vinapon	Công ty liên doanh	214.997.567	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUDEC	Công ty con	48.230.138	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng HUD10	Công ty con	18.123.288	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD6	Công ty con	53.219.178	-
Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD8	Công ty con	1.551.999.999	2.950.547.945
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản HUDLAND	Công ty con	71.917.808	-
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	Công ty con	11.095.890	-
Công ty CP Đầu tư Tam Đảo	Công ty con	33.082.191	-

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.


Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

heryl

Hoàng Thị Thu Hằng



Bùi Hoàng Kiều



Đỗ Hoài Đông